

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

"NÓI VỚI CON" VÀ NGÔN NGỮ THƠ Y PHƯƠNG**LÊ THỊ HUỆ****(Cao học 15 Ngôn ngữ, Đại học Vinh)**

1. Y Phương giới thiệu quê hương mình có cái gió *Thổi ầm ầm/ Dội ào ào/ Chén rượu vừa rót ra/ Đã lạt đi một nửa/ Chén trà vừa rót ra/ Đã nguội tanh nguội ngắt* (Gió Phủ Trùng). Nhưng Cao Bằng cũng là nơi nuôi dưỡng tình yêu thương và nghị lực sống, nuôi dưỡng hồn thơ Y Phương để rồi đến lượt mình, nhà thơ lại "Nói với con" bằng chính giọng người Tày những lời gan ruột nhất.

Đọc thơ Y Phương, người ta dễ bị hút hồn bởi bản sắc vùng cao rất riêng và đậm đà. Nó làm cho lí trí người đọc dễ quên đi sự tinh táo để lí giải, cắt nghĩa về vẻ đẹp trong từng câu chữ. "Nói với con" cũng là một bài thơ như thế. Bài thơ tự nhiên, ấm áp như hơi thở, như dòng máu người Tày chảy trên đầu ngọn bút. Người đọc thấy bài thơ nhỏ xinh, hồn hậu vì tình yêu thương mạnh mẽ, vì nghị lực sống chất phác, bình dị. Những vần thơ như bật ra từ vô thức, như không tìm thấy dấu vết của sự dụng công nghệ thuật nào. Nhưng vì sao "Nói với con" là một bài thơ hay, không chỉ tiêu biểu cho những bài thơ Y Phương viết cho con mà bài thơ còn được đưa vào chương trình Ngữ văn 9 như một mẫu mực về nội dung và nghệ thuật? Với bạn đọc, tìm kiếm những giá trị văn chương luôn đi liền với khát vọng lí giải về nó.

2. "Nói với con" trước hết là lời của nhà thơ nói với người con yêu dấu. Có nhiều khi Y Phương đùa vui dí dỏm trong niềm hạnh phúc làm cha: *Thức dậy đi nào hồn đất thó/ Con hãy đái cho cha một bãi thật to/ Để cha*

bôi lem lên hàng râu rậm... (Hồn đất thó); *Cái thằng/ Đêm ngủ ngáy/ Khoẻ hơn bể lò rèn/ Cứ như vàng trắng méo/ Nhể nhại nhô dần lên* (Gây gió), hay: *Bây giờ củ khoai đi học xa/ Đêm đêm nhớ củ khoai mang thư ra đọc/ Vừa bóc vừa thơm cười khà khà* (Củ khoai), ... Nhưng "Nói với con" lại là việc Y Phương xếp hành trang cho con *lên đường* bước vào đời. Vậy hành trang đó là những gì và Y Phương đã thể hiện sự khéo léo như thế nào?

2.1. Sách giáo khoa Ngữ văn 9, phần Đọc - hiểu văn bản [1, 73] đã gợi ý: Bài thơ có bố cục hai phần - nhà thơ gợi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người, gợi về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương. Sự phân tách bố cục hai phần như vậy trước hết có thể dựa vào dấu hiệu trực quan đó là sự cách dòng giữa hai đoạn thơ. Nhưng không đơn thuần như vậy. Sự vận động của ý tưởng thơ bắt đầu từ sự vận động ngầm ẩn, kín đáo và khéo léo bên trong ngôn từ. Đây là đoạn đầu của bài thơ:

*Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

Trên phương diện nghĩa biểu hiện, có thể xem mỗi dòng trên là một khung vị từ. Trong đó, vị từ trung tâm là những động từ, tính từ chỉ hoạt động, trạng thái, tính chất ở dạng hoàn thành, hoàn thiện (hoặc đang hướng tới sự hoàn thành, hoàn thiện): *bước, chạm, tới, cài, ken, cho, đẹp*. Động từ *ken* có nghĩa *làm cho thật kín bằng cách dẽm thêm vào những chỗ hở, ... được hiểu như là đan cài, kết* [1, 73]. Đó chẳng phải là sự hoàn thiện hoá sao?

Xung quanh vị từ trung tâm là những tham tố với các vai nghĩa. Những tham tố ở đầu và cuối mỗi khung vị từ thường đều là những danh từ. Những tham tố ở vị trí đầu thường đóng vai trò là hành thể (*Chân phải, Chân trái, Rừng, Con đường, ...*). Tham tố ở điểm kết thúc thường đóng vai trò là những đối thể, đích thể (*cha, mẹ, tiếng nói, tiếng cười, nan hoa, câu hát, hoa, những tấm lòng, ngày cưới*). Có thể, những từ ngữ ở vị trí này biểu thị những khái niệm khác nhau nhưng một cách khái quát, chúng đều thuộc một trường nghĩa do có chung một nét nghĩa chỉ sự đẹp đẽ, tròn đầy, thiêng liêng, cao cả. *Đan lờ* bằng những nan tre vót tròn, bản thân nó đã có nét nghĩa gì đó chỉ sự tròn trịa, tròn đầy. Lại *đan* bằng *nan hoa* thì còn gì đẹp hơn nữa. *Ken* là *làm cho thật kín*, lại là bằng câu hát thì còn gì ấm áp hơn thế. Và với mỗi khung vị từ đó còn có một tham tố tham gia vào cấu trúc nghĩa biểu hiện một cách ngầm ẩn. Đó là tham tố *người con* với vai nghĩa là tiếp nhận thể đón nhận những gì ấm áp, đẹp đẽ ấy. Có thể nói, với sự sắp xếp các vai nghĩa, việc tạo lập ý nghĩa biểu trưng cho từ ngữ, hình ảnh, Y Phương muốn nói rằng con là sinh linh bé nhỏ được sinh ra và lớn lên trong vòng tay đầy yêu thương, sự chở che của cha mẹ, của mái nhà, của núi rừng và cả quê hương. Con là sản phẩm hoàn hảo nhất của cuộc đời và chính cuộc đời ban tặng cho

con những gì đẹp đẽ nhất. Tính chất ngầm ẩn cũng đồng thời với tính chất phiếm định của vai tiếp nhận thể. Đó có thể là Y Phương, là bất cứ ai may mắn được sinh ra trên cuộc đời này. Vì vậy, khổ thơ đầu, Y Phương đã gọi về cội nguồn sinh dưỡng và nhắc nhở lòng biết ơn cần có ở mỗi con người.

Lòng biết ơn đi liền với hành động. Đó là sự dẫn dắt ý tưởng từ đoạn thơ đầu sang đoạn thơ cuối. Sự sắp xếp ngôn từ ở đoạn cuối hoàn toàn khác:

*Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.*

Ở đoạn này, chiếm đại đa số và giữ vị trí ở cả phần đầu và phần cuối của khung vị từ lại là những động từ, tính từ (không phải là những danh từ như ở đoạn đầu). Những động từ ở phần đầu của khung vị từ (điểm xuất phát của phát ngôn, thuộc phần Đề) là những động từ chỉ hành động, không phải những hoạt động vật chất cụ thể mà là sự biểu trưng cho những ứng xử thuộc về lối sống. Chúng thường chỉ những hoạt động ở

dạng chưa hoàn thành, chưa tới đích, còn dở dang, còn có một quá trình tiếp diễn lâu dài trong không gian và thời gian, cần đến ý chí và nghị lực của con người: *sống (trên đá), sống (trong thung), sống (như suối), lên (thác), xuống (ghềnh), lên (đường)*. Những tính từ ở phần kết thúc của khung vị từ (thuộc phần Thuyết của phát ngôn) thường là những tính từ chỉ tình trạng, tính chất nội tại của sự vật: *gập ghềnh, nghèo đói, cực nhọc, thô sơ, nhỏ bé*. Chúng cùng thuộc trường nghĩa chỉ tình trạng khó khăn, chông chênh, khó vượt qua, khó chiến thắng. Chúng gắn với *đá*, với *thung* lũng, với *thác*, *ghềnh*, với con đường chông gai nên đó là tình trạng nghèo khó của quê hương, của cuộc sống vùng cao, dễ làm nhụt ý chí của con người. Đó là những gì hoàn toàn đối lập với chiếc nôi êm ả thời ấu thơ, với căn nhà ấm áp ngập tràn hương hoa và tiếng hát, ... Đó chính là những thử thách của cuộc đời. Và những động từ xuất phát của phát ngôn là hành trình của ý chí. Một điều rất thú vị là ở đoạn thơ này, phần lớn những câu thơ đều được lập thành hai mệnh đề. Mệnh đề trước (phụ) luôn luôn phủ định mệnh đề sau (chính) bằng những từ phủ định thể hiện thái độ mạnh mẽ, dứt khoát, đầy quyết tâm: *không (chê), không (lo), chẳng mấy ai, không bao giờ*. Ngữ pháp truyền thống gọi đó là những câu ghép chính phụ với ý nghĩa nhượng bộ - tăng tiến. Nhưng câu ghép chính phụ của Y Phương vắng chủ ngữ, vắng cả quan hệ từ như một sự không cần thiết. Điều đó càng làm cho câu thơ trở nên chắc chắn, gọn, rắn rỏi: *Sống trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sống trong thung không chê thung nghèo đói... Lên thác xuống ghềnh không lo cực nhọc/ Người đồng mình thô sơ*

da thịt/ Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con... Tuy thô sơ da thịt/ Lên đường/ Không bao giờ nhỏ bé được...”.

Cũng như ở đoạn 1, một cách ngầm ẩn, chủ ngữ của câu là người con trong vai trò là tiếp nhận thể thì đến đoạn 2 này người con lại trong vai trò là hành thể trên hành trình chinh phục thử thách. Hành trình ấy lâu dài và gian khổ, dễ làm cho con *buông xuôi, bé nhỏ*. Nhưng người đồng mình luôn xuất hiện đúng lúc làm giá đỡ khoẻ khoắn, làm điểm tựa hiên ngang và kiêu hãnh cho con: *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương/ Còn quê hương thì làm phong tục*. So với câu thơ *Con ơi/ Cha muốn giữ nỗi buồn này lại/ Rồi thả cái khát khao ra cùng với gió trời* (Tay trái) thì *Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn* mạnh mẽ hơn. Bởi nỗi buồn cũng được *đo* bằng *độ cao* với phương thẳng đứng và chiều hướng lên trên! Truyền thống quý báu về ý chí và nghị lực sống của người đồng mình như dòng máu chảy trong con. Y Phương thật khéo léo khi chuyển hoá người đồng mình vào con. Bởi thật khó phân định *Cao đo nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn* là lời kể về cái *thương lắm* của người đồng mình hay là lời răn dạy, thúc giục của cha đối với con. Có câu *Người đồng mình thô sơ da thịt/ Chẳng mấy ai bé nhỏ đâu con* thì đến cuối bài thơ, Y Phương nhấn gửi *Con ơi tuy thô sơ da thịt/ Lên đường/ không bao giờ nhỏ bé được...* như giữa con và quê hương là sự gắn bó máu thịt, tất yếu và thiêng liêng nhường nào! Gìn giữ và phát huy truyền thống quý báu của người đồng mình là trách nhiệm và cũng là niềm hãnh diện, tự hào của con!

Trên phương diện ngữ âm, ở đoạn 1, những âm tiết kết thúc mỗi dòng thơ là những âm tiết mở (*cha, mẹ, hoa*), nửa mở (*nói, cười, ơi, cưới, đời*), nửa khép (*lòng*) (duy nhất một âm tiết khép *hát* nhưng lại

mang thanh sắc là thanh trắc - cao) tạo cho đoạn thơ âm điệu nhẹ nhàng, phù hợp với giọng trần thuật và diễn tả những gì êm đềm, nên thơ. Đến đoạn 2, kết thúc dòng thơ không còn những âm tiết mở, thay vào đó là những âm tiết khép, với âm cuối là những âm tắc vô thanh và mang thanh nặng là thanh trắc - thấp: *cực nhọc, thịt da, tục, thịt, được*. Bởi lời thơ là lời cầu khiến, lời nhắn nhủ thúc giục của Y Phương đối với con (hay là với chính lòng mình!) nên nó mang giọng điệu rắn rỏi, mạnh mẽ, khoẻ khoắn như sức vóc, như tâm hồn người vùng cao! Nhưng lời thơ không thô cứng. Sự có mặt của nhiều yếu tố tình thái đã làm mềm câu thơ: từ cách xưng hô của Y Phương đối với con đến những câu cảm thán (*Người đồng mình yêu lắm con ơi, Người đồng mình thương lắm con ơi*). Ngay trong lời trần thuật cũng đầy niềm tự hào, kiêu hãnh: *Người đồng mình thô sơ da thịt/ Chẳng mấy ai bé nhỏ đâu con*. Và lời nhắn gửi còn mang biết bao niềm yêu, niềm thương, sự kì vọng: *Con ơi tuy thô sơ da thịt/ Lên đường/ Không bao giờ nhỏ bé được/ Nghe con*. Điều đó nói lên rằng, dù là trần thuật hay cầu khiến, bao trùm bài thơ vẫn là giọng điệu cảm thán, bộc lộ một tấm lòng thiết tha gần bó, biết ơn nguồn cội của nhà thơ. Đồng thời, đó là tình cảm rất mực yêu thương của người cha dành cho con. Tình cảm đó là cái vuốt ve âu yếm dịu dàng, vừa như một bàn tay chắc khoẻ sẵn sàng nâng con dậy khi con ngã trên đường đời.

Như vậy, từ đoạn 1 sang đoạn 2, bài thơ đã có sự vận động về ngôn từ. Đó là sự vận động từ trường nghĩa của những gì tròn đầy, đẹp đẽ nhất sang trường nghĩa của những gì khó khăn, gian khổ, cực nhọc. Đó là sự vận động từ những hoạt động, trạng thái, tính chất ở dạng hoàn thành, tới đích đến những hoạt động ở dạng tiếp diễn trong quá trình.

Đó là sự vận động về vai nghĩa của người con từ tiếp nhận thể sang hành thể. Đó cũng là sự vận động của giọng điệu thơ từ trần thuật sang cầu khiến... Tất cả nhằm làm nổi bật lên sự vận động trong ý tưởng thơ: nguồn cội sinh dưỡng và hành trình sống của mỗi con người, nhận và cho, hưởng thụ và cống hiến. Con đường cho con *những tấm lòng thì con Lên đường/ Không bao giờ nhỏ bé được*.... Ý thơ làm sáng lên đạo lí *Uống nước nhớ nguồn* ngàn đời của dân tộc.

2.2. Tư tưởng lớn lao ấy được gói gọn trong một bài thơ xinh xắn. Là sản phẩm tư duy của người miền núi, lại mượn lời người cha nói với con, bài thơ bình dị, mộc mạc, hồn nhiên và rất giàu hình ảnh.

Có thể khái quát lên xu hướng sử dụng từ ngữ trong thơ Y Phương (ngoài việc sử dụng những từ ngữ mang đậm sắc thái vùng cao) đó là sự kết hợp giữa những khái niệm vật chất cụ thể và những khái niệm tinh thần trừu tượng nhằm vật chất hoá, cụ thể hoá cái trừu tượng. Mặt khác, đó là sự lắp ghép một cách *phi logic* những từ ngữ vốn không cùng để miêu tả về một đối tượng trong một cấu trúc ngữ pháp. Sự kết hợp từ theo xu hướng trên diễn ra ở nhiều cấp độ. Cấp độ cụm từ có *trời khó nhọc, Những số phận vá chẳng vá đụp, Rượu cùn, ...* (cụm danh từ), *dầm chân trong đời nghèo, đặng nỗi buồn*, (cụm động từ). Ở cấp độ câu, Y Phương có những câu thơ thật lạ: *Chiếc cày bừa một thời khinh bạc, Da thịt bật mầm bách thảo* (Chín tháng), ... Đây là nét đặc sắc trong thi pháp thơ Y Phương. Bạn đọc nhỏ tuổi thấy thích thú với cách dùng từ ngữ này:

bước tới	cha
bước tới	mẹ
chạm	tiếng nói
tới	tiếng cười
Đan lờ cài	nan hoa
Vách nhà ken	câu hát

Con	đường	những tấm lòng
cho		
Cao do		nỗi buồn
Xa nuôi		chí lớn
thô sơ		da thịt
đục đá kê cao		quê hương
làm		phong tục

Thứ vị bởi sự kết hợp từ ngữ giống như việc Y Phương thả những cánh điều. Phần chỉ khái niệm vật chất, cụ thể như đầu sợi dây được giữ chặt để cho phía bên kia những khái niệm trừu tượng như cánh điều thoả sức bay bổng. Mà từ đầu dây đến cánh điều là khoảng không vô cùng của trí tưởng tượng và sự liên tưởng. Mượn cái hữu hạn để làm điểm tựa cho cái vô hạn, thiết nghĩ đó là cách lựa chọn thông minh. Nó vừa phù hợp với tâm lí người đọc vừa biểu đạt sâu rộng ý tưởng, cảm xúc của nhà thơ. Quy luật của nhận thức bao giờ cũng *từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng*. Cách kết hợp từ ngữ này không hề tạo tính chất khiên cưỡng đối với sự tiếp nhận của người đọc mà ngược lại, nó như một phép lạ từ từ dẫn người đọc sang thế giới của tư tưởng, tình cảm vốn khó nắm bắt. Xét trên phương diện chuẩn mực ngữ pháp và logic khách quan, đó là kiểu kết hợp *chệch chuẩn, bất quy tắc*. Nhưng từ góc độ nghệ thuật, nó lại tạo cho câu thơ vẻ đẹp phóng khoáng, mới lạ, gợi nhiều chiều liên tưởng. Đó cũng là đặc trưng và hiệu quả thẩm mĩ của tư duy nghệ thuật.

Tư duy nghệ thuật của Y Phương cũng là một lối tư duy bằng hình ảnh. Có thể nói, hình ảnh là phương thức chủ đạo trong chiếm lĩnh và tái hiện đời sống của thơ Y Phương. Theo đó, các biện pháp tu từ như hoán dụ, ẩn dụ, so sánh, nhân hoá, điệp và đối, ... là những phương tiện tạo hình, tạo nghĩa rất hiệu quả. (Khảo sát 114 bài thơ trong “Thơ Y Phương” [5] có tới 144 phép so sánh tu từ, 145 biện pháp nhân hoá,...).

“Nói với con” cũng sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ khiến cho bài thơ rất giàu hình ảnh. Ở đoạn đầu bài thơ, phép ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá đã vẽ nên bức tranh gia đình thật ấm cúng:

Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười

Trung tâm của bức tranh là em bé đang chập chững những bước đi đầu tiên trong đời, trong niềm hạnh phúc và tình yêu thương của cha mẹ. Và bao quanh bức tranh ấy là khung cảnh ngôi nhà và cánh rừng với những con đường luôn ngập tràn hoa thơm cùng tiếng hát. Ta nghe như thấy tiếng nói, tiếng cười, thấy bước chân đi, thấy hoa ngan ngát và cả tiếng hát rộn ràng, ấm áp. Đối lập với khung cảnh tươi sáng, đầm ấm đó, ở đoạn 2, với lối nói ẩn dụ và so sánh, Y Phương lại vẽ nên bức tranh vùng cao quê hương ông với thiên nhiên khắc nghiệt, với thung lũng và đá, với thác ghềnh,... và những con người vất vả cực nhọc nhưng luôn ngẩng cao đầu. Hình ảnh đá được nhắc lại hai lần trong bài thơ và rất nhiều lần trong sáng tác của Y Phương như một ám ảnh không nguôi. Đá là một vật thể phổ biến ở quê hương nhà thơ nhưng nó còn là nỗi niềm trăn trở đau đáu của nhà thơ về cuộc sống áo cơm nghèo khó trên quê mình: *Đi từ mùa khô/ Đến hết mùa mưa/ Chỉ thấy đá/ Đá lởm chởm/ Đá thu lu/ Đá hun hút* (Những người thấp bé); *Những hòn đá héo/ Dầm chân suối reo/ Như anh/ Dầm chân trong đời nghèo* (Những hòn đá héo). Và *Dẫu em qua một vùng toàn đá/ Đá lô nhô như sóng triều dâng/ Em có buồn? Sao em băng khuâng/ Quê hương mãi nghèo thế* (Tiếng hát tháng giêng). Nhưng *gập ghềnh* cũng là đá, cứng cỏi, rắn rỏi cũng là đá, để *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương* bằng đôi Bàn

tay như của gừng dẻo đá (Phòng tuyến Lau Khiêu), đôi *Bàn chân từng đập bằng đá sắc* (Tên làng). Với ý nghĩa đó, hình ảnh thơ như tấm đá hoa cương làm ánh lên vẻ đẹp rạng ngời trên gương mặt quê hương. Bởi thế, Y Phương mới vẽ nên một hình ảnh khác (với lối ẩn dụ), là hình ảnh người con lên đường với một hành trình rất dài và đầy chông gai, cùng với lời dặn dò

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.

Hình ảnh thơ khá phong phú và mang giá trị biểu trưng sâu sắc. Biện pháp điệp và đối với những cặp câu thơ sóng đôi (làm nền cho sự triển khai toàn bộ thể giới nghệ thuật thơ Y Phương và là đặc trưng độc đáo của văn chương miền núi) càng khiến cho những hình ảnh thơ được tô đậm, sắc nét.

Y Phương có nhiều cách tạo hình rất thú vị: *Mùa hoa/ Mùa đàn bà/ Mặt đỏ phừng/ Đủ sức vác ông chồng/ Lên đỉnh núi/ Mùa hoa/ Mùa đàn ông/ Một như chiếc áo rữ/ Vừa vịn rào đi vừa ngái ngủ* (Mùa hoa); *Mé già ơi nhớ mé râm ran khắp người/ Như chàm đã kín nương/ Như lúa đã trĩu đôi* (Người vùng cao), ... Ngay cả những trạng thái cảm xúc cũng được ông tạo hình, tạo dáng: *Tôi nghe được hơi thở cũ/ Hao gầy/ Đau Đớn Đứng Đâu Đây* (Sám hối), ... Chính cách tạo hình của nhà thơ đã vẽ nên một bức tranh đời sống vùng cao với đường nét, màu sắc, hình khối, âm thanh, ... thực hơn cả đời thực. Vì thế toàn bộ thể giới nghệ thuật thơ Y Phương đi vào tâm trí bạn đọc tự nhiên như qua con đường trực giác. Đó là sức mạnh của lối tư duy thơ bằng hình ảnh.

Người Êđê ví *Ngôi nhà dài như một tiếng chèo ngân* (Sử thi Đam sam). Người Hmông lại so sánh: *“Gái mồ côi, cha mẹ chết từ lâu/ Như gà mái, vịt cái để lại ổ trống ung* (Tiếng hát mồ côi). Người Xơ

Đang tả: *Chim chil đi tắm nước Krông/ Chim choong bay về nước cả/ Lúa ta đã vào chòi/ Tuổi ta đã đầy một năm* (Pit put...cheng choong). Người Thái cũng ví von: *“Nghĩ đến anh mà nát ruột gan/ Như nặn nặn sáp không nên/ Như ôm cây to không xuể,.../ Cây tre nó thành giấy/ Cây nứa nó thành ống/ Con gái thành nàng dâu... Lời đã trao liền như chiếc chiếu/ Lời chắt đan như dao sắc chặt dong/ Như lá rong kia đã ủ men nồng...* (Tiễn dặn người yêu),... Những dẫn chứng đưa ra để nói rằng, hình ảnh là phương thức tư duy quen thuộc của người vùng cao. Nó khiến cho lời văn vừa có tính vật chất, cụ thể, vừa thể hiện một trí tưởng tượng bay bổng diệu kì; vừa hồn nhiên như trẻ thơ lại vừa gợi những liên tưởng sâu sắc. Đó là bản sắc độc đáo không trộn lẫn của văn chương miền núi. Bản sắc ấy thấm đượm và làm nên sức hấp dẫn đặc biệt cho thơ Y Phương.

3. Có thể nói rằng, “Nói với con” là một bài thơ mang đậm dấu ấn phong cách Y Phương, in đậm bản sắc vùng cao. Ấn sâu trong lớp ngôn từ giản dị, hồn nhiên là những tư tưởng lớn lao, đầy tính nhân văn về lẽ sống. Như sách giáo khoa Ngữ văn 9 đã nhận xét: *Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.*

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Ngữ văn 9*, Nxb Giáo dục, H. 2009.
2. Nguyễn Phan Cảnh, *Ngôn ngữ thơ*, Nxb Văn hóa thông tin, H. 2001.
3. <http://vnca.cand.com.vn>, Nhà thơ Y Phương: *Tự biết mình như chén nước*, 25/4/2008.
4. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức, *Thơ ca Việt Nam, hình thức và thể loại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H. 2002.
5. *Thơ Y Phương*, Nxb Hội nhà văn, H. 2002.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 14-09-2009)